

Số: 347/QĐ-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định mức học phí đào tạo theo học chế tín chỉ năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 28/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ tình hình thực tế của Trường năm học 2025-2026;

Xét đề nghị của Trường phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức học phí đào tạo theo học chế tín chỉ đối với học viên, sinh viên hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học năm học 2025– 2026 như sau:

TT	Trình độ đào tạo	Mức thu học phí 1 tín chỉ (đồng)	
		Khối ngành kỹ thuật	Khối ngành kinh tế
I	Bậc đào tạo đại học		
1	Đại học, Liên thông CĐ - ĐH hệ chính quy khóa 15, 16,17		
-	Khối ngành kỹ thuật	514.000	
-	Ngành công nghệ thông tin	487.000	
-	Khối ngành kinh tế		418.000
2	Đại học, Liên thông CĐ - ĐH hệ vừa làm vừa học khóa 15, 16,17		
-	Khối ngành kỹ thuật	728.000	
-	Ngành công nghệ thông tin	728.000	
-	Khối ngành kinh tế		625.000
II	Bậc đào tạo cao học		
1	Cao học hệ chính quy	925.000	
2	Cao học hệ vừa làm vừa học	1.388.000	

Ghi chú: Số tiền học phí phải nộp từng kỳ được tính theo mức học phí 1 tín chỉ nhân với (x) số tín chỉ từng kỳ do Học viên, Sinh viên đăng ký học.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2025-2026.

Điều 3. Các đơn vị trong và các học viên, sinh viên trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (Báo cáo);
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu VT, TCKT.

HIỆU TRƯỞNG ✓

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
QUẢNG NINH
TS. Hoàng Hùng Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

**CHI TIẾT MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
ĐỐI VỚI HỌC VIÊN, SINH VIÊN NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số 347 /QĐ-ĐHCNQ ngày 23 tháng 5 năm 2025)

TT	Trình độ đào tạo	Tổng học phí NH 2025-2026 (đồng)		Số tín chỉ/ Thời gian đào tạo			Mức thu học phí 1 tín chỉ (đồng)	
		Khối ngành kỹ thuật	Khối ngành kinh tế	Số tín chỉ TB toàn khóa (tín chỉ)	Thời gian đào tạo toàn khóa (năm)	Số tín chỉ bình quân/ năm học (tín chỉ)	Khối ngành kỹ thuật	Khối ngành kinh tế
A	B	1	2	3	4	(5)=(3) /(4)	(6)=(1) /(5)	(7)=(2) /(5)
I	Bậc đào tạo đại học							
1	Đại học, liên thông đại học hệ chính quy khóa 15, 16, 17							
-	Khối ngành kỹ thuật	18.500.000		164	4,5	36	514.000	
-	Ngành Công nghệ thông tin	18.500.000		152	4	38	487.000	
-	Khối ngành kinh tế		15.900.000	152	4	38		418.000
2	Đại học, liên thông ĐH hệ VLVH khóa 15, 16, 17							
-	Khối ngành kỹ thuật	21.830.000		164	5,5	30	728.000	
-	Ngành Công nghệ thông tin	21.830.000		152	5,0	30	728.000	
-	Khối ngành kinh tế		18.762.000	152	5,0	30		625.000
II	Bậc đào tạo cao học							
1	Cao học hệ chính quy	27.750.000		60	2	30	925.000	
2	Cao học hệ vừa làm vừa học	33.300.000		60	2,5	24	1.388.000	

✓